

Số:72 /BC-TTBVTV

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật phục vụ sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh

Thực hiện Văn bản số 218/SNN-KH ngày 08/2/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT, về việc chuẩn bị báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI;

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kính báo cáo Sở Nông nghiệp & PTNT một số nội dung như sau:

1. Tình hình chung

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay các nhiệm vụ chỉ đạo, phát triển sản xuất, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng cơ bản được Chi cục triển khai và tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai đảm bảo kịp thời, hiệu quả. Tuy tình hình dịch Covid-19 đã có những tác động rõ rệt đến sản xuất, tuy nhiên với các giải pháp được triển khai kịp thời, hoạt động sản xuất của người dân chỉ bị ảnh hưởng cục bộ trong thời gian ngắn vào năm 2021. Công tác phòng chống dịch bệnh được triển khai cơ bản hiệu quả, dù gặp nhiều khó khăn do biến đổi khí hậu gây ra.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao

2.1. Kết quả tăng trưởng ngành:

Từ năm 2020 đến nay cơ bản ngành trồng trọt phát triển ổn định, duy trì được mức tăng trưởng dương; và đến 2022, tình hình dịch bệnh trong nước được kiểm soát tốt, hoạt động sản xuất của ngành tăng mạnh trở lại dù vẫn còn chịu những khó khăn nhất định do tình hình giá vật tư tăng cao, biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét hơn. Hết năm 2022, giá trị sản xuất toàn ngành theo giá cố định ước đạt hơn 40.000 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020-2022 đạt 4,4%/năm; Giá trị sản xuất bình quân trên đơn vị diện tích đạt trên 234 triệu đồng/ha; tăng mạnh so với năm 2021, do giá hầu hết các loại nông sản chủ lực đều tăng mạnh.

| | 2020 | 2021 | UTH 2022 | KH 2023 |
|--|----------|----------|----------|---------|
| <i>GTSX 2010 (tỷ đồng)</i> | 36.798,7 | 38.518,5 | 40.094 | 42.000 |
| <i>GTSX hiện hành (tỷ đồng)</i> | 55.791 | 59.295 | 67.855,7 | 74000 |
| <i>Tốc độ tăng GTSX hiện hành</i> | | 6,3% | 14,4% | 9% |
| <i>Giá trị sản xuất bình quân (triệu đồng)</i> | 190,9 | 203,7 | 234,4 | 245 |

2.2. Phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng:

Tình hình sản xuất trồng trọt trong nửa đầu nhiệm kỳ 2020-2025 tiếp tục phát triển tốt, các đối tượng cây trồng chủ lực rau, hoa, cây ăn quả và các cây trồng mới như mắc ca tiếp tục phát triển mạnh; cây cà phê ổn định và tiếp tục được đầu tư tái canh, cải tạo nâng cao năng suất chất lượng đem lại thu nhập ổn định cho người dân; tuy nhiên sản phẩm chè tiếp tục gặp khó khăn khi thị trường xuất khẩu suy giảm, diện tích chè tiếp tục thu hẹp; sản phẩm dược liệu cũng gặp nhiều khó khăn do thị trường xuất khẩu chính là Trung Quốc đóng cửa, tuy nhiên diện tích sản xuất vẫn cơ bản được duy trì do chính sách khuyến khích của tỉnh và thị trường trong nước đang phát triển tốt.

Hết năm 2022 diện tích gieo trồng toàn tỉnh đạt 392.980 ha tăng 1,7 % so với năm 2020, trong đó cây hàng năm 125.673,6 ha, cây lâu năm 267.306,4 ha; sản lượng lương thực đạt 184.526 tấn; rau 2.832.759 tấn; hoa 3,9 tỷ cành; cà phê 532.374 tấn, chè 164.143 tấn, cây ăn quả 278.727 tấn (sầu riêng 86.463 tấn, bơ 71.863 tấn). Trong 3 năm 2020-2022, toàn tỉnh đã thực hiện chuyển đổi 40.547,3 ha, trong đó tái canh, ghép cải tạo cà phê 19.192,9 ha, trồng mới cà phê 175 ha; chuyển đổi trên đất lúa kém hiệu quả 7.608,6 ha; Trồng tái canh, ghép cải tạo điều 382,6 ha, chuyển đổi cây trồng trên đất điều kém hiệu quả 3.861,7 ha; chuyển đổi trên đất khác 9.326,5ha. Diện tích sản xuất kém hiệu quả còn 45.224,2 ha; giảm 10.607,4 ha so với năm 2020.

| | 2020 | 2021 | 2022 | 6 tháng 2023 | đvt: ha UTH 2023 |
|--|-----------|-----------|-----------|-----------------|---------------------|
| Diện tích gieo trồng | 386.353,5 | 390.455,1 | 392.980 | 353.767 | 396.729,3 |
| Cây hàng năm | 122.308,6 | 125.251,4 | 125.673,6 | 85.202,7 | 127.292,7 |
| Cây lâu năm | 264.044,9 | 265.203,7 | 267.306,4 | 268.564,3 | 269.436,6 |
| Chuyển đổi cơ cấu cây trồng | 9.934,9 | 4.183,3 | 7.236,2 | 4.688,7 | 6.005 |
| Tái canh, cải tạo cà phê | 7.258 | 6.425,9 | 5.509 | 3.403 | 7.072 |
| Diện tích dưới 50 triệu đồng/ha | 55.831,6 | 49.497,2 | 45.224,2 | 43.100 | 40.998 |

Trong nửa đầu nhiệm kỳ, Chi cục đã tham mưu Sở Nông nghiệp & PTNT xây dựng, triển khai nhiều chương trình, kế hoạch quan trọng như: Kế hoạch tái canh, ghép cải tạo cà phê giai đoạn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch phát triển mắc ca bền vững tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2030, định hướng đến năm 2050, Đề án phát triển sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ dược liệu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022-2025; Đề án quản lý nhà kính, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch tái cơ cấu lại ngành

nông nghiệp tỉnh Lâm Đồng hướng đến toàn diện, bền vững và hiện đại giai đoạn 2021-2025; Phối hợp xây dựng dự thảo tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh, kiến nghị HĐND tỉnh ban hành danh mục giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi, giống thủy sản và quy định quy mô dự án phát triển sản xuất giống để hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 144/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2.3. Nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh

Nông nghiệp công nghệ cao tiếp tục có sự phát triển vượt bậc cả về chiều rộng, lẫn chiều sâu; đã hình thành, công nhận được 08 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 14 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao (từ 2020 đến nay đã tham mưu công nhận mới 05 vùng và 05 doanh nghiệp) và có 85.308 ha sản xuất đạt tiêu chí công nghệ cao, tăng 5.080 ha so với năm 2020.

| | 2020 | 2021 | 2022 | 6 tháng UTH 2023 | 2023 |
|-------------------|----------|----------|--------|------------------|--------|
| Rau | 24.316,2 | 25.910,2 | 25.830 | 25.904 | 25.978 |
| Hoa | 2.927 | 2.062,5 | 3.035 | 3.098 | 3.161 |
| Chè | 6.583 | 4.934 | 3.559 | 3.559 | 3.559 |
| Cà phê | 21.945,8 | 22.031 | 20.404 | 20.452 | 20.400 |
| Cây ăn quả | 300 | 3.226 | 6.885 | 7.126 | 7.367 |
| Khác | 4.156 | 4.944,3 | 550 | 5.597 | 5598 |

Mức độ ứng dụng công nghệ phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ thông minh, công nghệ số phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế của địa phương; không chạy theo phong trào. Hết năm 2022, toàn tỉnh có trên 46.920 ha tưới hiện đại (trong đó có 4.971 ha nhỏ giọt, 50 ha thủy canh), 160 ha nhà kính nhập khẩu thông minh, 718 ha sản xuất rau hoa trên giá thể thể hệ mới, 465 ha ứng dụng công nghệ thông minh, công nghệ số; trong sản xuất giống, công nghệ sinh học tiếp tục được ứng dụng mạnh, đặc biệt là công nghệ nuôi cấy tế bào thực vật với 56 cơ sở, hàng năm cung ứng trên 72,3 triệu cây giống; trong sơ chế, chế biến các dây chuyền, thiết bị phân loại bằng công nghệ tách màu hiện đại đã được ứng dụng.

2.4. Công tác phòng chống dịch bệnh

Giai đoạn 2020 -2023, thời tiết các khu vực tương đối thuận lợi cho các loại cây trồng sinh trưởng, phát triển, ngoại trừ 3 huyện phía Nam mưa trái mùa liên tục xảy ra hàng năm đã gây ảnh hưởng bất lợi đến quá trình ra hoa đậu quả của cây điều và tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sâu bệnh phát triển và lây lan mạnh. Để chủ động trong công tác phòng chống dịch hại cây trồng, hàng năm Chi cục đều phối hợp chặt chẽ với các địa phương thực hiện tốt công tác điều tra dự tính dự báo, bám sát đồng ruộng để phát hiện và cảnh báo sâu bệnh kịp thời. Ngoài ra đối với các dịch hại mới, nổi cộm, tập trung nghiên cứu, hướng dẫn giải pháp phòng trừ, phối hợp địa phương tập huấn, tuyên truyền để nông dân chủ

động phòng chống góp phần hạn chế thấp nhất thiệt hại, ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng nông sản.

Kết quả giai đoạn 2020 - 2023, dịch hại các loại cây trồng trên địa bàn Lâm Đồng cơ bản được kiểm soát tốt, hầu hết gây hại ở mức nhẹ ngoại trừ các đối tượng bọ xít muỗi, thán thư hại điều; bệnh tuyến trùng hại dâu tằm, virus hại cà chua có xu hướng gia tăng và gây hại mạnh vào năm 2022 nhưng công tác phòng chống đã được triển khai kịp thời nên không để sâu bệnh lây lan trên diện rộng, trong đó bọ xít muỗi gây hại 5.484,8ha điều (tăng 1.132,1 ha so với 2021); thán thư gây hại 5.452,3ha (tăng 173,6ha so với năm 2021). Trên cây dâu tằm bệnh tuyến trùng gây hại 725ha (129,7ha nhiễm nặng), tăng 272,6 ha so với 2021; trên cây cà chua bệnh xoắn lá virus gây hại 434,4 ha tại Đơn Dương, Đức Trọng (70 ha nhiễm nặng), tăng 138,4 ha so với 2021.

2.5. Quản lý vật tư nông nghiệp

a) Công tác quản lý giống cây trồng:

Tiếp tục hỗ trợ các địa phương, đơn vị đánh giá chất lượng nguồn giống để công nhận và khai thác giống chất lượng cao phục vụ sản xuất; Từ năm 2020 đến nay đã công nhận 03 vườn đầu dòng, gồm: 02 vườn chanh dây và 01 vườn cây bơ;

Tăng cường công tác tuyên truyền và hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh công bố tiêu chuẩn cơ sở và thực hiện công bố lưu hành giống cây trồng theo quy định mới của Luật Trồng trọt.

b) Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật

Từ đầu nhiệm kỳ, Chi cục đã chủ động tham mưu Sở Nông nghiệp & PTNT tăng cường công tác quản lý việc sản xuất, kinh doanh, sử dụng phân bón thuốc bảo vệ thực vật trong tỉnh, cụ thể đã tham mưu 05 văn bản chỉ đạo, đơn đốc các địa phương tăng cường công tác kiểm soát chất lượng vật tư nông nghiệp, triển khai Chỉ thị của Bộ Nông nghiệp & PTNT về sử dụng phân bón tiết kiệm, cân đối, hiệu quả. Đặc biệt sau khi tổ chức Hội nghị “tăng cường công tác quản lý vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng” vào tháng 9/2022, đã tham mưu UBND tỉnh UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 30/9/2022 về tăng cường công tác quản lý vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và tham mưu Sở triển khai thực hiện Chỉ thị.

Từ 2020 đến nay cũng đã tổ chức 05 lớp Bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật với 255 người tham dự; 07 lớp Bồi dưỡng chuyên môn về phân bón với 365 người tham dự; 16 lớp tập huấn văn bản pháp luật mới hằng năm về phân bón, thuốc BVTV cho 2323 người tham dự và 02 lớp Huấn luyện an toàn trong vận chuyển, bảo quản thuốc BVTV cho 63 người tham dự. Phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật tổ chức 01 lớp tập huấn lấy mẫu phân bón cho 76 cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về VTNN trên địa bàn tỉnh.

Từ 2020 đến nay đã thực hiện 35 cuộc kiểm tra đối với 424 cơ sở sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc BVTV, giống cây trồng (44 doanh nghiệp và 380 cơ sở). Kết quả phát hiện 168 trường hợp vi phạm, xử lý 166 trường hợp vi phạm, 01 trường hợp chuyển hồ sơ cho UBND tỉnh xử lý theo thẩm quyền, 01 trường hợp chuyển hồ

sơ cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Lâm Hà xử lý theo quy định. Tổng số tiền phạt 1.520.237.900 đồng; buộc tiêu hủy 28.690,5 kg/lít phân bón giả, 614,37 kg/lít thuốc BVTV ngoài danh mục được phép sử dụng tại Việt Nam.

Kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường: 189 mẫu phân bón, thuốc BVTV, qua đó phát hiện 41 mẫu không đảm bảo chất lượng, 15 mẫu phân bón giả.

2.6. Kiểm soát chất lượng nông sản, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

Công tác kiểm soát việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật thời gian qua được quan tâm triển khai thực hiện lồng ghép với các nội dung, nhiệm vụ được giao và phối hợp với các đơn vị sản xuất, cung ứng thuốc bảo vệ thực vật thông qua công tác tuyên truyền tập huấn hướng dẫn người dân sử dụng thuốc đúng, lựa chọn các loại thuốc sinh học, các gốc ít độc để sử dụng lồng ghép với các nội dung, nhiệm vụ được giao và phối hợp với các đơn vị sản xuất, cung ứng thuốc bảo vệ thực vật.

Hoạt động kiểm soát dư lượng trên sản phẩm được tăng cường kinh phí để triển khai so với giai đoạn trước; qua đó từ 2020 đến nay đã thực hiện phân tích định tính hơn 2.000 mẫu nông sản/2.370 tấn rau các loại và phân tích định tính 600 mẫu rau, trái cây, chè; kết quả có 16/2000 mẫu phân tích định tính và 09/600 mẫu phân tích định lượng có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật vượt ngưỡng; Chi cục đã thông báo và hướng dẫn các tổ chức cá nhân thực hiện các biện pháp khắc phục và tăng cường kiểm soát quy trình sản xuất. Ngoài ra đã thực hiện điều tra tình hình phòng trừ sâu bệnh hại rau, chè tại 60 cơ sở tại Tp Đà Lạt, Bảo Lộc và các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lạc Dương, Lạc Dương, Bảo Lâm, từ đó hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV an toàn và hiệu quả; các cơ sở được kiểm tra tuân thủ khá tốt quy định về sử dụng thuốc BVTV trong phòng trừ sâu bệnh hại trên rau, quả, chè.

Trong giai đoạn 2020 - 2022, có 26 công ty nhập khẩu 1.677 lô giống với 184,93 triệu cây, củ, ngọn, hạt hoa các loại; 16,56 tấn hạt giống rau các loại; 1.529 tấn khoai tây; 340.100 cây chanh dây từ 24 nước; qua kiểm tra cơ bản các công ty chấp hành tốt các quy định của pháp luật; Kiểm tra dịch hại ngoài đồng ruộng đối với các giống cây trồng nhập nội không phát hiện dịch hại lạ, dịch hại thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

2.7. Thiết lập mã vùng trồng và hỗ trợ xuất khẩu

Để hỗ trợ các tổ chức cá nhân thiết lập các mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu đi các nước, trong đó có Trung Quốc; ngay từ đầu nhiệm kỳ, ngành nông nghiệp đã chủ động tiếp cận nghiên cứu các thủ tục, quy định liên quan và đến 2022 đã xây dựng Kế hoạch 1121/KH-SNN ngày 26/5/2022 về cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2022 - 2025. Thời gian qua cũng đã tổ chức 25 lớp tập huấn hướng dẫn 522 lượt người tham dự; qua đó đã kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX và người dân thực hiện các thủ tục, quy trình để cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói phục vụ việc truy xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của phía Trung Quốc.

Tính đến nay Lâm Đồng đã được cấp 35 mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu, trong đó 33 vùng trồng sầu riêng với diện tích 2.135,2 ha (07 đơn vị) và 02 vùng trồng chanh leo với diện tích 111ha; đối với cơ sở đóng gói đã có 05 cơ sở được cấp mã gồm cơ sở của Công ty TNHH TMSX Long Thủy, Công ty CP Tập đoàn Trung Bảo Tín; Công ty CPTM và XNK Nông sản Tây Nam Bộ, Công ty TNHH TS Food; Công ty TNHH Đức Huệ. Ngoài ra đã thực hiện hướng dẫn, rà soát các vùng trồng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng thông qua phần mềm cấp, quản lý mã số vùng trồng trực tuyến tại địa chỉ <https://csdltrongtrot.mard.gov.vn/>; đến nay được duyệt cấp 03 mã số trên cây cà phê và chè với diện tích là 58ha cho 02 hộ sản xuất và 01 doanh nghiệp.

Dự kiến hết năm 2023, sẽ có ít nhất 3.600 ha cây trồng được cấp mã vùng trồng.

3. Đánh giá chung

Nhìn chung hoạt động sản xuất trồng trọt trên địa bàn tỉnh đang tiếp tục phát triển tốt theo định hướng của ngành nông nghiệp; cơ cấu cây trồng tập trung vào các đối tượng chủ lực có lợi thế và giá trị kinh tế cao; công nghệ sản xuất ngày càng hiện đại và được ứng dụng rộng; Diện tích sản xuất có giá trị thấp tiếp tục giảm mạnh, đặc biệt tại khu vực các huyện phía nam và Đam Rông; công tác quản lý vật tư nông nghiệp được thực hiện quyết liệt và đạt nhiều kết quả.

Tuy nhiên trong phát triển sản xuất vẫn còn những tồn tại hạn chế nhất định;

- Tình hình sản xuất tự phát theo phong trào tuy đã được tuyên truyền mạnh, nhưng vẫn còn xảy ra; đặc biệt là diện tích sầu riêng tăng trưởng nóng thời gian gần đây.

- Giá vật tư nông nghiệp tăng cao, do đó tình hình sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp diễn biến phức tạp, tình trạng phân bón giả, kém chất lượng xuất hiện nhiều và khó kiểm soát.

- Nguồn giống phục vụ sản xuất vẫn phụ thuộc vào thị trường nhập khẩu, nhất là giống rau, hoa; người nông dân nhận thức chưa đầy đủ và chưa hình thành thói quen sử dụng loại giống có bản quyền từ đó tạo rào cản cho việc nhập khẩu các giống cây trồng mới cũng như hạn chế khả năng xuất khẩu nông sản của tỉnh.

- Vấn đề bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp còn hạn chế; lượng phân bón thuốc bảo vệ thực vật sử dụng vẫn còn cao hơn mức cần thiết; các mô hình sản xuất hữu cơ, tuần hoàn chưa phổ biến.

4. Kế hoạch, giải pháp thực hiện nhiệm vụ đến 2025

4.1. Mục tiêu đến 2025

- Duy trì tăng trưởng của ngành trồng trọt bình quân 4,5-5%/năm; giá trị sản xuất bình quân đạt khoảng 260 triệu đồng/ha.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác chuyển đổi giống cây trồng, phấn đấu diện tích có giá trị dưới 50 triệu đồng/ha giảm còn khoảng 15.000 ha.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đạt ít nhất 75.000 ha và không ngừng hiện đại hóa về công nghệ, phân đầu có trên 1.000 ha nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn. Tiếp tục đầu tư, phát triển các vùng, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phân đầu hết 2025 có 19 vùng và trên 20 doanh nghiệp NNCNC được công nhận.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch hại trên cây trồng; đảm bảo không có diện tích bị hại trên 50% năng suất.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý, sản xuất ngành; thực hiện quản lý sản xuất và các vùng trồng thông qua hệ thống bản đồ số và cơ sở dữ liệu tích hợp.

4.2. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 21-NQ/TU ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy, về phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững và hiện đại trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 27/10/2022, về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến 2050.

Tiếp tục cơ cấu lại ngành trồng trọt theo hướng lựa chọn mức độ ứng dụng công nghệ phù hợp đối với từng vùng sản xuất, từng đối tượng cây trồng. Giảm diện tích nhà kính tại khu vực nội ô thành phố Đà Lạt. Mở rộng vùng sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng, hướng đến thị trường xuất khẩu; phát triển vùng sản xuất cây công nghiệp thông qua tái canh, rà soát chuyển đổi, trồng xen cây ăn quả, cây dược liệu, cây đa mục đích. Đối với khu vực canh tác kém hiệu quả, cơ cấu cây trồng thiếu ổn định (*tại các huyện: Đam Rông, Đa Tả, Cát Tiên, Đa Huoai*), ưu tiên nguồn lực và lồng ghép các chương trình đề án để thực hiện các mô hình chuyển đổi sản xuất có hiệu quả và hỗ trợ nhân rộng trong sản xuất, rút ngắn khoảng cách chênh lệch với các vùng sản xuất hàng hóa tập trung của tỉnh. Trước mắt, tập trung chuyển đổi cây trồng kém hiệu sang cây trồng khác phù hợp, hiệu quả cao hơn, cải tạo vườn tạp tại huyện Đam Rông và 3 huyện phía Nam; tiếp tục thực hiện tái canh chương trình cải tạo cà phê tại các huyện: Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lâm và thành phố Bảo Lộc.

Nâng cao chất lượng nguồn giống phục vụ sản xuất thông qua việc cải thiện năng lực hệ thống nghiên cứu, chọn tạo, du nhập, chuyển giao, sản xuất giống cây trồng; Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn để thực hiện các dự án phát triển giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng theo Nghị quyết 144/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Trong đó tập trung phát triển, ứng dụng công nghệ nuôi cấy tế bào thực vật; hình thành ngành công nghiệp kỹ thuật mới, đóng góp lớn cho tăng trưởng toàn ngành.

Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất; Xây dựng các mô hình nghiên cứu “mẫu” về sản xuất, kết nối nông nghiệp thông minh; ứng dụng đồng bộ công nghệ số vào sản xuất nông nghiệp; quản lý giám sát chất lượng, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm kịp thời, minh bạch, chính xác, an toàn,

thích ứng với biến đổi khí hậu; Hệ thống hóa được các vùng trồng sản phẩm chủ lực trên nền tảng bản đồ số, phục vụ công tác quản lý, kiểm soát vùng trồng.

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quy trình canh tác phù hợp với sự biến đổi của khí hậu và hội nhập quốc tế; nghiên cứu ứng dụng và nhân rộng các quy trình canh tác tổng hợp theo hướng an toàn sinh học, hạn chế dịch bệnh; Thay thế dần việc sử dụng hóa chất trong nông nghiệp bằng các sản phẩm sinh học, tự nhiên; Tiếp tục tổ chức thực hiện việc thu gom và xử lý rác thải tập trung tại các xã, trên cơ sở xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý rác thải phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Đẩy mạnh sản xuất theo phương thức hữu cơ, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp tăng giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Hướng đến nền sản xuất tuần hoàn, sinh thái.

Duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra dự tính dự báo, ứng dụng hiệu quả công nghệ số trong theo dõi, giám sát dịch hại; Tiếp tục xây dựng và triển khai các mô hình nghiên cứu, nâng cao hiệu quả phòng trừ dịch hại; mô hình - mô hình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) trên cây ăn trái, rau, hoa... để giảm thiểu việc sử dụng hóa chất trong phòng chống dịch hại, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Tăng cường công tác quản lý vật tư nông nghiệp; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan ban ngành và địa phương trong giám sát, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm; Tiếp tục thực hiện việc tập huấn bồi dưỡng chuyên môn về phân bón thuốc bảo vệ thực vật và tuyên truyền các quy định pháp luật cho các cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển vùng sản xuất và chế biến gắn với tiêu thụ dược liệu bền vững tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023 – 2025; Đề án tăng cường công tác quản lý, kiểm soát nhà kính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án nhập khẩu giống hoa có bản quyền phục vụ phát triển ngành sản xuất hoa giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch phát triển mắc ca bền vững tỉnh Lâm Đồng và Kế hoạch tái canh, ghép cải tạo cà phê.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ giữa nhiệm kỳ 2020-2025 của Chi cục Trồng trọt và BVTV Lâm Đồng./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp & PTNT (b/c);
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các phòng, trạm;
- Lưu: VT, TT.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Trần Quang Duy